

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025)

A. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực công nghệ thông tin bao gồm các nội dung sau:

1. Mức hao phí vật liệu

Là mức qui định về sử dụng khối lượng vật liệu cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công việc (không kể vật liệu phụ cần dùng cho máy móc, phương tiện vận chuyển và những vật liệu chi trong khoản chi phí chung).

Số lượng vật liệu trong các bảng định mức được quy định là vật liệu chính. Định mức vật liệu chính được xác định bằng khối lượng hao phí thực tế.

2. Mức hao phí lao động

Là ngày công lao động tương ứng với cấp bậc công việc qui định để hoàn thành khối lượng công việc cụ thể. Hao phí trong định mức đã bao gồm công của lao động trực tiếp thực hiện công việc và công của lao động phục vụ (nếu có).

Mức hao phí lao động trong bảng định mức (tính theo cấp bậc thợ, kỹ sư bình quân) đã bao gồm cả lao động chính, phụ (kể cả công tác chuẩn bị, kết thúc, thu dọn hiện trường thi công).

Mức hao phí nhân công trong định mức này tính theo giờ hành chính: 1 ngày làm việc 8 giờ, 1 tuần làm việc 5 ngày (từ thứ 2 đến thứ 6), 1 năm làm việc 260 ngày. Đối với hao phí nhân công trực ngoài giờ hành chính, tính toán theo quy định có liên quan. Đơn vị tính của hao phí nhân công là công, tương đương 8h làm việc.

Cấp bậc nhân công được quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐCP ngày 14/12/2004 quy định chế độ tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

3. Mức hao phí máy, thiết bị

Là mức qui định số ca máy, thiết bị trực tiếp cần thiết phục vụ công tác thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với từng loại máy, thiết bị.

Đơn vị tính của hao phí máy, thiết bị là ca, tương đương 8h làm việc.

4. Kết cấu bộ định mức

Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được trình bày theo phân, nhóm loại công việc theo từng thiết bị hiệu chuẩn và được mã hoá theo số hiệu hệ thống như sau:

- Mã định mức cấp 1: Thể hiện phạm vi công việc. Ví dụ: HNI.02.00.00: là định mức quản lý, vận hành hệ thống.
- Mã định mức cấp 2: Hai số tiếp theo tương ứng thể hiện định mức cho công việc cụ thể. Ví dụ: HNI.02.01.00: Định mức vận hành, khắc phục sự cố các thiết bị mạng (Router, Switch, Modem, thiết bị khác).
- Mã định mức cấp 3: thể hiện định mức cho các bước công việc cụ thể tại định mức cấp 2. Ví dụ: HNI.02.01.01: Định mức vận hành.
- Mã định mức cấp 4: thể hiện định mức cho các bước công việc cụ thể tại định mức cấp 3. Ví dụ: HNI.02.01.01.01: Định mức vận hành thiết bị Router.

5. Hướng dẫn sử dụng

5.1. Khái niệm

- Hệ thống thông tin: theo định nghĩa tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn Nghị định 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.
- Công tác vận hành: là hoạt động khiến mỗi bộ phận trong hệ thống thực hiện tốt chức năng của mình và phối hợp tốt với mọi bộ phận khác trong hệ thống nhằm đảm bảo sự hoạt động liên tục của toàn hệ thống.
- Công tác khắc phục sự cố: là quá trình xác định, lập kế hoạch và giải quyết sự cố, lỗi hoặc lỗi trong hệ thống phần mềm/máy tính hoặc các thiết bị khác. Công tác khắc phục sự cố cho phép sửa chữa và phục hồi máy tính/hệ thống/ phần mềm/thiết bị khi máy tính/hệ thống/ phần mềm/thiết bị bị lỗi, không phản hồi hoặc hoạt động một cách bất thường.
- Phần mềm khác: bao gồm phần mềm nội bộ sử dụng trong một đơn vị; phần mềm nội bộ liên thông, kết nối chia sẻ dữ liệu; quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu; cung cấp dịch vụ hành chính công trực tiếp; cổng thông tin điện tử của thành phố và các phần mềm sẽ được triển khai trong giai đoạn tới.
- Hệ số k: là giá trị chênh lệch hao phí nhân công để hoàn thành một công việc cụ thể. Hệ số $k=1$ được sử dụng là gốc để tính các hệ số k khác.

5.2. Quy định về tần suất thực hiện công việc

TT	Nội dung công việc	Tần suất	Tần suất/năm
1	Vận hành, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật gián tiếp hệ thống, phần mềm	Ngày làm việc	260
2	Khắc phục sự cố	2 tháng/lần	6
3	Hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp (vận hành, khắc phục sự cố) hệ thống, phần mềm	6 tháng/lần	2

5.3. Quy định về thành phần công việc trong công tác vận hành thiết bị, hệ thống

Công tác vận hành thiết bị bao gồm những công việc sau:

- Vận hành: được thực hiện hàng ngày (đơn vị tính: hệ thống/ngày làm việc; thiết bị/ngày làm việc).
- Khắc phục sự cố: được thực hiện với tần suất 2 tháng/lần (với giả định trung bình 2 tháng xảy ra 01 sự cố). Đơn vị tính: sự cố.

Công tác vận hành hệ thống phần mềm dùng chung bao gồm những công việc sau:

- Vận hành: được thực hiện hàng ngày (đơn vị tính: hệ thống/ngày làm việc).
- Khắc phục sự cố: được thực hiện với tần suất 2 tháng/lần (với giả định trung bình 2 tháng xảy ra 01 sự cố). Đơn vị tính: sự cố.
- Hỗ trợ kỹ thuật gián tiếp: được thực hiện hàng ngày (đơn vị tính: hệ thống/ngày làm việc).

Công tác hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp được quy định như sau:

- Thực hiện hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp về vận hành hệ thống/phần mềm: được thực hiện với tần suất 6 tháng/lần. Đơn vị tính: lần/hệ thống.
- Thực hiện hỗ trợ khắc phục sự cố hệ thống/phần mềm: được thực hiện với tần suất 6 tháng/lần (với giả định trung bình 6 tháng xảy ra 01 sự cố). Đơn vị tính: sự cố.

5.4. Quy định về hệ số k

- HNI.01.01.00. Định mức vận hành, khắc phục sự cố hệ thống máy chủ (hệ điều hành LINUX, Windows), hệ số k được áp dụng như sau:

$k_1 = 1$: Trường hợp có từ 1 – 50 máy chủ.

$k_1 = 0,8$: Trường hợp có từ 51 máy chủ trở lên.

B. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực báo chí, xuất bản và thông tin điện tử

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực báo chí, xuất bản và thông tin điện tử bao gồm các nội dung sau:

1. Mức hao phí vật liệu

Là mức qui định về sử dụng khối lượng vật liệu cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công việc (không kể vật liệu phụ cần dùng cho máy móc, phương tiện vận chuyển và những vật liệu chi trong khoản chi phí chung).

Số lượng vật liệu trong các bảng định mức được quy định là vật liệu chính. Định mức vật liệu chính được xác định bằng khối lượng hao phí thực tế.

2. Mức hao phí lao động

Là ngày công lao động tương ứng với cấp bậc công việc qui định để hoàn thành khối lượng công việc cụ thể. Hao phí trong định mức đã bao gồm công của lao động trực tiếp thực hiện công việc và công của lao động phục vụ (nếu có).

Mức hao phí lao động trong bảng định mức (tính theo cấp bậc chuyên viên bình quân) đã bao gồm cả lao động chính, phụ (kể cả công tác chuẩn bị, kết thúc, thu dọn hiện trường, nếu có).

Mức hao phí nhân công trong định mức này tính theo giờ hành chính: 1 ngày làm việc 8 giờ, 1 tuần làm việc 5 ngày (từ thứ 2 đến thứ 6), 1 tháng bao gồm 26 ngày công; 1 năm làm việc 260 ngày. Đối với hao phí nhân công trực ngoài giờ hành chính, tính toán theo quy định có liên quan.

Đơn vị tính của hao phí nhân công là công, tương đương 8h làm việc.

3. Mức hao phí máy, thiết bị

Là mức qui định số ca máy thiết bị trực tiếp cần thiết phục vụ các hoạt động báo chí, xuất bản và thông tin cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với từng loại máy, thiết bị đặc thù.

Đơn vị tính của hao phí máy, thiết bị là ca, tương đương 8h làm việc.

4. Kết cấu bộ định mức

Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực báo chí, xuất bản và thông tin cơ sở được trình bày theo phần, nhóm loại công việc và được mã hoá theo số hiệu hệ thống như sau:

- Mã định mức cấp 1: Thể hiện phạm vi công việc. Ví dụ: BC.01.00.00: là định mức hoạt động thông tin cơ sở.
- Mã định mức cấp 2: Thể hiện phạm vi công việc. Ví dụ: BC.01.02.00: là định mức sản xuất, vận hành bảng tin công cộng do UBND cấp xã quản lý.
- Mã định mức cấp 3: Thể hiện phạm vi công việc. Ví dụ: BC.01.02.01: là định mức sản xuất, vận hành bảng tin công cộng do UBND cấp xã quản lý – bảng tin điện tử.

5. Hướng dẫn sử dụng

5.1. Khái niệm

- Thông tin cơ sở là thông tin thiết yếu được truyền tải trực tiếp đến người dân thông qua các loại hình thông tin: đài truyền thanh cấp xã, bảng tin công cộng, bản tin thông tin cơ sở, tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở, tuyên truyền trực tiếp qua tuyên truyền viên cơ sở, công hoặc trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet, tin nhắn viễn thông.

- Hoạt động thông tin cơ sở là hoạt động cung cấp thông tin thiết yếu, tiếp nhận thông tin phản ánh và thông tin nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, có nhân có thẩm quyền đối với thông tin phản ánh của người dân thông qua các loại hình thông tin cơ sở.

- Đo lường mức độ tiếp cận, sử dụng thông tin của khán giả phục vụ đánh giá hiệu quả nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị được thực hiện nhằm thu thập số liệu đo lường khán giả truyền hình thông qua chỉ số khán giả truyền hình, chỉ số thị phần khán giả truyền hình và chỉ số độ phủ khán giả truyền hình.

- Đánh giá chất lượng Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị trên báo chí là công tác xây dựng báo cáo đánh giá chất lượng thông qua việc điểm tin theo chủ đề các loại báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, xuất bản phẩm.

- Tổng hợp, đánh giá thông tin báo chí, thông tin điện tử là công tác thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu và đánh giá theo đối tượng, chủ thể được yêu cầu.

- Hệ số k: là giá trị chênh lệch hao phí nhân công để hoàn thành một công việc cụ thể. Hệ số $k=1$ được sử dụng là gốc để tính các hệ số k khác.

5.2. Quy định phạm vi, quy mô và giá trị của hệ số k

- Đối với định mức BC.01.01.00. Sản xuất chương trình phát thanh của đài truyền thanh cơ sở (cấp xã): thời lượng chương trình chuẩn là 15 phút. Với những thời lượng khác, áp dụng hệ số k như sau:

STT	Mã định mức	Nội dung	Quy định hệ số k	Hệ số k
1	BC.01.01.00	Sản xuất chương trình phát thanh của đài truyền thanh cơ sở (cấp xã)	Dưới 15 phút	1
			Từ 16-35 phút	1,4
			Từ 31-45 phút	1,8

- Đối với định mức BC.01.04.01. Xuất bản, phát hành tài liệu không kinh doanh - bản in (Sổ tay, tờ rời, tờ gấp...), quy định số lượng tin, bài chuẩn trong một tài liệu không kinh doanh tối đa là 25 nội dung. Với số lượng nội dung không theo quy định chuẩn, áp dụng hệ số k như sau:

STT	Mã định mức	Nội dung	Quy định hệ số k	Hệ số k
1	BC.01.04.01	Xuất bản, phát hành tài liệu không kinh doanh - bản in (Sổ tay, tờ rời, tờ gấp...)	Dưới 25 nội dung	1
			Từ 26-30 nội dung	1,3
			Từ 31-40 nội dung	1,6
			Từ 41 nội dung trở lên	2
2	BC.01.04.02	Xuất bản, phát hành tài liệu không kinh doanh - bản điện tử	Dưới 25 nội dung	1
			Từ 26-30 nội dung	1,3
			Từ 31-40 nội dung	1,6
			Từ 41 nội dung trở lên	2

- Đối với công tác đo lường mức độ tiếp cận, sử dụng thông tin của khán giả phục vụ đánh giá hiệu quả nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị - chương trình truyền hình: áp dụng đối với thị trường gồm 300 hộ gia đình trong thời gian 01 năm. Công tác đo lường bao gồm các công đoạn nhập dữ liệu kênh chương trình, giám sát nhập liệu, xử lý dữ liệu và lập báo cáo đo lường, chưa bao gồm các công đoạn như khảo sát cơ bản, thiết lập mẫu đo lường, lắp đặt thiết bị đo lường...

- Công tác khắc phục sự cố trong định mức BC.01.02.01. Sản xuất, vận hành bảng tin công cộng do UBND cấp xã quản lý - bản tin điện tử không bao gồm công việc sửa chữa, thay thế mới máy, thiết bị; sửa chữa, thay thế mới các bộ phận cấu thành nên máy, thiết bị; công việc sửa chữa, cập nhật, nâng cấp, tối ưu hóa... phần mềm, hệ thống.